

Số: 41/KH-TrMN

Yên Từ, ngày 11 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện các khoản thu chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày ngày 30/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024;

Căn cứ Công văn số 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 434/UBND-VHXX ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Yên Từ về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

Căn cứ Biên bản của kiểm kê các đồ dùng, dụng cụ phục vụ công tác bán trú, công tác vệ sinh năm học 2025-2026;

Căn cứ Biên bản họp Ban chỉ ủy, ban giám hiệu; Nghị quyết họp Hội đồng sư phạm về việc xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện các khoản thu chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026;

Căn cứ Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và biên bản họp phụ huynh các nhóm/lớp ngày 14/10/2025;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Trường mầm non Yên Từ xây dựng Kế hoạch thực hiện các khoản thu chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 với những nội dung cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Thông qua tuyên truyền, thu các khoản đóng góp, vận động tài trợ nhằm để tạo điều kiện phục vụ các hoạt động dạy và học cho nhà trường.

Kế hoạch được thông qua ban chỉ ủy, chi bộ, ban giám hiệu và các tổ chức, cán bộ, giáo viên nhân viên; công khai, minh bạch, đúng mục đích, hiệu quả.

Kế hoạch được gửi đến các cơ quan chức năng để kiểm tra, giám sát nhà trường tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

B. NGUYÊN TẮC THU, CHI

1. Các khoản thu, mức thu phải thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh thể hiện bằng văn bản; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt quá mức tối đa đối với những khoản thu có quy định mức tối đa. Quy định rõ những trường hợp miễn, giảm (nếu có).

2. Các khoản thu, mức thu phải phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, điều kiện kinh tế và thu nhập của cha mẹ học sinh và đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương về việc tổ chức các dịch vụ phục vụ và các hoạt động giáo dục cần thiết tại nhà trường; căn cứ vào nhu cầu của học sinh, thu nhập của cha mẹ học sinh thống nhất với cha mẹ học sinh về việc lựa chọn các dịch vụ và hoạt động giáo dục khác phù hợp theo nguyên tắc tự nguyện, không áp đặt. Mỗi khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục phải xây dựng toán chi cụ thể để làm cơ sở xác định mức thu đối với học sinh.

4. Mức chi do nhà trường tính toán xây dựng kế hoạch, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí thu được.

C. NỘI DUNG THU

I. Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức trần (thực hiện đối với trẻ tham gia ăn bán trú)

1. Dịch vụ ăn (Bao gồm các khoản chi phí mua chất đốt, lương thực, thực phẩm, gia vị và chi phí khác có liên quan phục vụ cho trẻ mầm non ăn bán trú tại trường)

- Mức thu: 22.000 đồng/trẻ/ngày
- Chế độ ăn: 2 bữa chính; 1 bữa phụ
- Thực hiện thanh toán với đơn vị cung cấp lương thực, thực phẩm; sữa; nước rửa bát; chất đốt (gas) theo chứng từ phát sinh và cập nhật theo dõi hồ sơ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định.

2. Dịch vụ chăm sóc bán trú (tiền thuê nhân viên nấu ăn, tiền trực trưa)

* Mức thu: 174.000đồng/trẻ/tháng.

* Dự kiến chi:

- Thuê nhân viên nấu ăn: 8 cô mức tiền công là 6.000.000đồng/cô/tháng.

- Hỗ trợ trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý:

+ Học kỳ I: Mức chi 50.000 đồng/công trực.

+ Học kỳ II: Mức chi 56.500đ/công trực.

=> Trong năm nếu số tiền thu được tăng lên do số trẻ tham gia ăn bán trú tăng thì sẽ được chi trả hỗ trợ tiền công trực trưa đối với giáo viên và cán bộ quản lý vào thời điểm cuối năm học.

3. Dịch vụ trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học sinh bán trú (công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ học sinh bán trú)

- Mức thu:

+ Trẻ lần đầu tham gia ăn (mới): 200.000 đồng/trẻ/năm học.

+ Trẻ tham gia ăn từ năm học trước (cũ): 80.000 đồng/trẻ/năm học.

4. Làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo

- Các bậc phụ huynh phối hợp với giáo viên phụ trách lớp đăng ký cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh có yếu tố nước ngoài trên tinh thần tự nguyện theo các văn bản quy định của các cấp (Hiện tại nhà trường đang chỉ đạo thực hiện cho 100% trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh qua phần mềm Futurelang tại lớp học).

II. Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định trần (thực hiện với 100% trẻ đến trường)

1. Tiền vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh

Căn cứ vào thực tế sử dụng trong năm học 2024-2025; căn cứ vào tình hình thực tế nhà trường và nhu cầu sử dụng của trẻ năm học 2025-2026.

- Mức thu: 25.000 đồng/trẻ/tháng (thực hiện thu 9 tháng/năm học).

=> Nếu số trẻ ra lớp tăng hoặc giảm so với dự toán và nhu cầu sử dụng đồ dùng thực tế trong năm học, nhà trường sẽ tự cân đối để mua bổ sung đồ dùng, dụng cụ tăng hoặc giảm theo danh mục trong hoặc ngoài dự toán để phù hợp với tình hình thực tế, phục vụ công tác vệ sinh đảm bảo thu đủ bù chi.

2. Tiền nước

- Căn cứ vào tổng số tiền trên hóa đơn sử dụng nước thực tế của trẻ trong năm học trước và nhu cầu sử dụng của trẻ năm học 2025-2026.

- Mức thu: 15.000đ/trẻ/tháng (HKI thu 3 tháng; HKII thu 4 tháng).

=> Nếu số tiền thu được thiếu so với hóa đơn sử dụng thực tế hàng tháng trong năm học, thì nhà trường sẽ thực hiện thu bổ sung vào đầu học kỳ 2; Nếu số tiền thu được thừa so với hóa đơn sử dụng thực tế hàng tháng trong năm học, thì nhà trường sẽ lập danh sách trả lại phụ huynh vào cuối năm học (tháng 5/2026) thực hiện đảm bảo thu đủ bù chi.

3. Tiền điện

- Căn cứ vào tổng số tiền trên hóa đơn sử dụng điện thực tế của trẻ trong năm học trước và nhu cầu sử dụng của trẻ năm học 2025-2026.

- Mức thu: 15.000đ/trẻ/tháng (HKI thu 3 tháng; HKII thu 4 tháng).

=> Nếu số tiền thu được thiếu so với hóa đơn sử dụng thực tế hàng tháng trong năm học, thì nhà trường sẽ thực hiện thu bổ sung vào đầu học kỳ 2; Nếu số tiền thu được thừa so với hóa đơn sử dụng thực tế hàng tháng trong năm học, thì nhà trường sẽ lập danh sách trả lại cho từng phụ huynh vào cuối năm học (tháng 5/2026) thực hiện đảm bảo thu đủ bù chi.

4. Tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu (thực hiện theo năm học)

- Căn cứ vào nhu cầu danh mục đồ dùng, đồ chơi học liệu sử dụng thực tế tại các nhóm/lớp trong năm học, nhà trường mua sắm bổ sung, bàn giao trực tiếp cho giáo viên và phụ huynh của lớp cho trẻ sử dụng, cuối năm học, tiến hành kiểm kê, thanh hủy những đồ dùng đồ chơi hư hỏng, số còn lại lập biên bản bàn giao lại cho phụ huynh cho trẻ sử dụng trong hè.

- Mức thu: Trẻ 1 tuổi: 205.000 đồng/trẻ/năm học; Trẻ 2 tuổi: 236.000 đồng/trẻ/năm học; Trẻ 3 tuổi: 255.000 đồng/trẻ/năm học; Trẻ 4 tuổi: 288.000 đồng/trẻ/năm học; Trẻ 5 tuổi: 317.000 đồng/trẻ/năm học

=> Nội dung các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong năm học (*Có dự toán chi tiết kèm theo*).

(Phụ huynh trực tiếp nộp tiền qua tài khoản của nhà trường: Số tài khoản 110605039386, ngân hàng Viettinbank chi nhánh Ninh Bình).

III. Các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường thực hiện vận động tài trợ khi cần thiết, thực hiện quy trình theo quy định.

IV. Các khoản khác

1. Bảo hiểm thân thể

Phụ huynh lựa chọn công ty và đóng góp cho trẻ trên tinh thần tự nguyện (do công ty bảo hiểm thu).

2. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS

- Huy động sự đóng góp trên tinh thần tự nguyện của cha mẹ học sinh (không quy định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ trẻ). Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS trường được trích từ kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS nhóm/lớp.

- Việc thu chi kinh phí do Ban đại diện CMHS nhà trường thực hiện thu và quản lý sử dụng theo quy định tại thông tư 55/2011/TT-BGDĐT (*nếu có*).

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với nhà trường

- Tuyên truyền và tổ chức thực hiện đóng góp các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, phục vụ trực tiếp quyền lợi của trẻ năm học 2025-2026 theo đúng các văn bản hiện hành. Cam kết không thu các khoản thu trái quy định.

- Thực hiện việc thu qua tài khoản của nhà trường số tài khoản 110605039386, ngân hàng Vietinbank chi nhánh Ninh Bình (không dùng tiền mặt) theo hướng dẫn.

- Thực hiện thu, chi; điều chỉnh dự toán chi theo kế hoạch đã được hội nghị nhất trí thông qua. Tất cả các khoản thu, chi tại nhà trường được theo dõi, cập nhật, hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác vào hệ thống sổ kế toán, báo cáo tài chính của nhà trường (không để ngoài sổ kế toán). Sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

- Thực hiện công khai các khoản thu, chi tài chính tại nhà trường theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thực hiện chế độ báo cáo về cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, đến các cơ quan ban ngành đoàn thể của địa phương, các nhà hảo tâm, các tổ chức doanh nghiệp và toàn thể các bậc phụ huynh trên địa bàn xã.

- Phối hợp với nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch thu chi, phục vụ công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2025-2026.

Trên đây là kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi trong trường mầm non Yên Từ, năm học 2025-2026. Yêu cầu các cá nhân, tổ chức trong nhà trường triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Yên Từ (b/c);
- Phòng VH-XH, Phòng Kinh tế (b/c);
- BCU, BGH, tổ chuyên môn (t/h);
- Ban đại diện CMHS;
- Công khai trên Website trường;
- Lưu VT; Hồ sơ tài chính.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Ý

UBND XÃ YÊN TỪ
TRƯỜNG MẦM NON YÊN TỪ

DỰ TOÁN THU, CHI

Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026
(Kèm theo Kế hoạch số 41 /KH-TrMN ngày 17 tháng 10 năm 2025)

I. Số tiền thu

TT	Tên khoản thu	Số HS	Mức thu	Số ngày (tháng)	Tổng tiền
1	Dịch vụ ăn (21 ngày/tháng x 9 tháng)	373	22.000đ/trẻ/ngày	198	1,624,788,000
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú (thuê nhân viên nấu ăn, hỗ trợ trực trưa)	373	174.000đ/trẻ/tháng	9	584,118,000
3	Dịch vụ trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học sinh bán trú	373			38,240,000
	- Trẻ mới đi	70	200.000đ/trẻ/năm		14,000,000
	- Trẻ đã đi học từ năm học trước	303	80.000đ/trẻ/năm		24,240,000
4	Dịch vụ vệ sinh trường lớp, khu vệ sinh	398	25.000đ/trẻ/tháng	9	89,550,000
5	Dịch vụ tiền nước sinh hoạt	398	15.000đ/trẻ/tháng	7	41,790,000
6	Dịch vụ tiền điện	398	15.000đ/trẻ/tháng	7	41,790,000
7	Dịch vụ tiền đồ dùng, đồ chơi, học liệu	398			108,652,000
	- Lớp 1 tuổi	21	205.000đ/trẻ/năm		4,305,000
	- Lớp 2 tuổi	83	236.000đ/trẻ/năm		19,588,000
	- Lớp 3 tuổi	87	255.000đ/trẻ/năm		22,185,000
	- Lớp 4 tuổi	105	288.000đ/trẻ/năm		30,240,000
	- Lớp 5 tuổi	102	317.000đ/trẻ/năm		32,334,000
	Cộng:				2,528,928,000

II. Số tiền chi

TT	Nội dung chi	Thành tiền
1	Dịch vụ ăn (Bao gồm các khoản chi phí mua chất đốt, lương thực, thực phẩm, gia vị và chi phí khác có liên quan phục vụ cho trẻ mầm non ăn bán trú tại trường)	1,624,788,000
	- Dự kiến: 373 trẻ x 21 ngày/tháng x 22.000đ/trẻ/ngày x 9 tháng	1,624,788,000
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú (thuê nhân viên nấu ăn, hỗ trợ trực trưa)	584,118,000

	- Tiền thuê nhân viên nấu ăn: 08 người x 6.000.000đ/người/tháng x 9 tháng	432,000,000
	- Tiền hỗ trợ CBGVNV trực trưa: Học kỳ I: 50.000đ/người/công trực x 15 người/ngày x 21 ngày/tháng x 4 tháng Học kỳ II: 56.500đ/người/công trực x 15 người/ngày x 21 ngày/tháng x 5 tháng	152,118,000
3	Dịch vụ trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học sinh bán trú	38,240,000
	- Bếp ga Prato pt 826-G3: 01 chiếc x 2.050.000đ/chiếc	2,050,000
	- Máy xay: 01 cái x 2.500.000.000đ/Cái	2,500,000
	- Thùng đựng nước inox: 01 cái x 4.000.000đ/cái	4,000,000
	- Máy bơm nước: 01 chiếc x 1.806.000đ/chiếc	1,806,000
	- Môi múc com inox: 50 chiếc x 12.000đ/chiếc	600,000
	- Môi múc canh to inox: 5 chiếc x 30.000đ/chiếc	150,000
	- Môi múc canh to inox bếp: 1 chiếc x 55.000đ/chiếc	55,000
	- Bát tô: 50 chiếc x 35.000đ/chiếc	1,750,000
	- Rá vo gạo loại to inox: 5 chiếc x 160.000đ/chiếc	800,000
	- Rá lọc cua to inox: 1 chiếc x 55.000đ/chiếc	55,000
	- Rá đựng gia vị: 01 chiếc x 45.000đ/chiếc	45,000
	- Rổ nhựa : 10 chiếc x 35.000đ/chiếc	350,000
	- Xô nhựa: 3 chiếc x 45.000đ/chiếc	135,000
	- Lọ lưu mẫu thủy tinh: 5 chiếc x 30.000đ/chiếc	150,000
	- Kéo to: 01 Chiếc x 90.000đ/chiếc	90,000
	- Thớt gỗ: 2 chiếc x 450.000đ/chiếc	900,000
	- Dao bầu: 3 chiếc x 55.000đ/chiếc	165,000
	- Dao thái: 2 chiếc x 135.000đ/chiếc	270,000
	- Đá mài: 1 chiếc x 30.000đ/chiếc	30,000
	- Bàn chải: 1 chiếc x 10.000đ/chiếc	10,000
	- Nạo sợi: 10 chiếc x 5.000đ/chiếc	50,000
	- Búi cọ xoong nôi: 100 chiếc x 5.000đ/chiếc	500,000
	- Búi rửa bát: 30 chiếc x 3.000đ/chiếc	90,000
	- Ủng cao cổ: 8 đôi x 70.000đ/đôi	560,000
	- Tạp dề: 36 chiếc x 40.000đ/chiếc	1,440,000
	- Gang tay cao su rửa bát: 75 đôi x 25.000đ/đôi	1,875,000
	-Gang tay y tế: 20 hộp x 130.000đ/hộp	2,600,000
	- Gang tay túi bóng: 30 hộp x 12.000đ/hộp	1,560,000

	- Gạt nước to: 2 chiếc x 90.000đ/chiếc	180,000
	- Gạt nước bé: 2 chiếc x 25.000đ/chiếc	50,000
	- Khẩu trang y tế: 1 hộp/lớp/kỳ x (1 bếp+14 lớp) x 9 tháng x 45.000đ/hộp	1,694,000
	- Cây lau nhà: 01 chiếc x 70.000đ/chiếc	70,000
	- Chổi cước: 1 chiếc x 30.000đ/chiếc	30,000
	- Chổi quét nhà: 1 chiếc x 30.000đ/hộp	30,000
	- Hót rác: 1 chiếc x 25.000đ/chiếc	25,000
	- Dép nhựa: 8 đôi x 30.000đ/đôi	240,000
	- Khăn ăn: 373 chiếc x 5.000đ/chiếc	1,865,000
	- Khay inox : 11 chiếc x 45.000đ/chiếc	495,000
	- Đĩa đựng cơm rơi: 125 chiếc x 5.000đ/chiếc	625,000
	- Chăn hè: 5 chiếc x 340.000đ/chiếc	1,700,000
	- Chăn đông: 5 chiếc x 430.000đ/chiếc	2,150,000
	- Chiều còi: 30 chiếc x 150.000đ/chiếc	4,500,000
5	Dịch vụ vệ sinh trường lớp, khu vệ sinh	89,550,000
1	- Nước xà phòng rửa tay Việt Nhật Group: 180 chai x 43.000đ/chai	7,740,000
2	- Bánh xà phòng rửa tay: 279 bánh x 14.000đ/bánh	3,906,000
3	-Nước giặt Việt Nhật Group: Bobby Family Tím 3,6kg/can: 31 can x 215.000đ/can	6,665,000
4	-Nước lau sàn Việt Nhật Group hương quế, hương xả.: 43 can x 275.000đ/can	11,825,000
5	- Tẩy bồn cầu Việt Nhật Group: 29 chai x 43.000đ/chai	1,247,000
6	-Thông cống Việt Nhật Group(1Kg): 29 Chai x 70.000đ/chai	2,030,000
7	-Nước rửa chén Việt Nhật Group: 14 chai x 52.000đ/chai	728,000
8	-Nước tẩy trắng mốc quần áo (Tẩy khăn mặt cho trẻ): 29 chai x 50.000đ/chai	1,450,000
9	-Giấy vệ sinh: 462 bịch x 60.000đ/bịch	27,720,000
10	- Nước lau kính: 72chai x 35.000đ/chai	2,520,000
11	- Hót rác nhựa: 14 chiếc x 15.000đ/chiếc	210,000
12	-Chổi quét nhà: 48 chiếc x 36.000đ/chiếc	1,728,000
13	- Chổi quét nước: 31 chiếc x 35.000đ/chiếc	1,085,000
14	-Chổi sắt cọ rêu: 34 Chiếc x 75.000đ/chiếc	2,550,000
15	- Cây lau nhà: 18 chiếc x 80.000đ/chiếc	1,440,000
16	- Bàn chải giặt: 33 chiếc x 15.000đ/chiếc	495,000
17	- Bao tay cao su: 113 đôi x 32.000đ/đôi	3,616,000

18	- Chổi cọ bồn cầu: 29 chiếc x 19.000đ/chiếc	551,000
19	- Túi nilon đựng rác : 29 kg x 30.000đ/kg	870,000
20	-Thảm lau chân: 34 chiếc x 36.000đ/chiếc	1,224,000
21	- Chậu nhựa: 14 chiếc x 25.000đ/chiếc	350,000
22	- Xô nhựa có nắp: 29 chiếc x 40.000đ/chiếc	1,160,000
23	- Cây bổi rửa cốc: 28 chiếc x 20.000đ/chiếc	560,000
24	- Quét mạng nhện: 6 chiếc x 90.000đ/chiếc	540,000
25	- Gáo múc nước nhựa: 28 chiếc x 20.000đ/chiếc	560,000
26	- Bột tẩy rong rêu: 36 gói x 35.000đ/gói	2,100,000
27	- Dung dịch sát khuẩn: 90 Chai x 52.000đ/chai	4,680,000
5	Dịch vụ tiền nước	41,790,000
	- Dự kiến chi tiền nước sinh hoạt: 7 tháng x 5.970.000đ/tháng	41,790,000
6	Dịch vụ tiền điện	41,790,000
	- Dự kiến chi tiền điện: 7 tháng x 5.970.000đ/tháng	41,790,000
7	Dịch vụ tiền đồ dùng, đồ chơi, học liệu	108,652,000
	Cốc inox (có kí hiệu) : 388 chiếc x 29.500đ/chiếc	11,446,000
	Khăn mặt vuông 30cm (có kí hiệu): 388 chiếc x 14.000đ/chiếc	5,432,000
	Yếm ăn của trẻ: 51 chiếc x 28.000đ/chiếc	1,428,000
	Khăn lau treo: 6 chiếc x 18.000đ/chiếc	108,000
	Bút sáp: 388 chiếc x 13.500đ/chiếc	5,238,000
	Đất nặn: 388 chiếc x 13.500đ/chiếc	5,238,000
	Bút chì: 293 Chiếc x 3.900đ/chiếc	1,142,700
	Kéo thủ công: 294 chiếc x 10.000đ/chiếc	2,940,000
	Bộ chữ cái - chữ số: 112 bộ x 8.000đ/bộ	896,000
	Màu nước: 36 hộp x 50.000đ/hộp	1,800,000
	Bìa các màu: 1.736 tờ x 900đ/tờ	1,562,400
	Phấn trắng: 123 hộp x 6.500đ/hộp	799,500
	Mô hình hàm răng: 10 chiếc x 68.000đ/chiếc	680,000
	Bàn chải đánh răng trẻ em: 8 chiếc x 7.000đ/chiếc	56,000
	Xắc xô (cháu) 5T: 6 chiếc x 22.000đ/chiếc	132,000
	Xắc xô (Nhỏ của cháu): 25 chiếc x 15.000đ/chiếc	375,000
	Xắc xô (Giáo viên): 6 chiếc x 22.000đ/chiếc	132,000
	Trống da: 4 chiếc x 88.000đ/chiếc	352,000
	Nam châm tròn không bọc nhựa: 4 chiếc x 27.000đ/chiếc	108,000

Bảng con NT: 104 chiếc x 13.500đ/chiếc	1,404,000
Bảng viết (gỗ) 5T: 102 chiếc x 20.000đ/chiếc	2,040,000
Bảng viết (gỗ) 4T: 105 chiếc x 15.000đ/chiếc	1,575,000
Giấy thủ công (giấy màu sơn): 427 túi x 2.800đ/túi	1,195,600
Hồ dán thiên long: 293 lọ x 4.700đ/lọ	1,377,100
Giấy A4: 31 gam x 95.000đ/gam	2,945,000
Gậy thẻ đục nhỏ NT: 95 chiếc x 4.800đ/chiếc	456,000
Gậy thẻ đục nhỏ : 37 chiếc x 5.800đ/chiếc	214,600
Vòng thẻ đục nhỏ (40 cm): 47 chiếc x 17.800đ/chiếc	836,600
Kéo văn phòng: 8 chiếc x 30.000đ/chiếc	240,000
Bộ lắp ráp nút tròn: 23 bộ x 50.000đ/bộ	1,150,000
Bộ dụng cụ bác sỹ: 3 bộ x 108.000đ/bộ	324,000
Ghép nút lớn: 8 túi x 93.000đ/túi	744,000
Bóng nhỏ: 82 quả x 3.400đ/quả	278,800
Bóng to: 44 quả x 9.300đ/quả	409,200
Lồng hộp tròn: 35 bộ x 19.500đ/bộ	682,500
Bộ khâu dây: 9 bộ x 31.000đ/bộ	279,000
Hệ tháp: 2 bộ x 146.000đ/bộ	292,000
Xe cũi thả hình: 1 chiếc x 145.000đ/chiếc	145,000
Lồng hộp vuông: 15 bộ x 19.500đ/bộ	292,500
Bộ ghép hình hoa vòng cung to: 9 bộ x 110.000đ/bộ	990,000
Bộ lắp ghép 55 chi tiết nhỏ: 6 bộ x 182.000đ/bộ	1,092,000
Ghép Hoa 135 Chi Tiết: 8 bộ x 85.000đ/bộ	680,000
Rỗ nhựa nhỡ: 15 chiếc x 27.000đ/chiếc	405,000
Sổ sức khỏe: 88 quyển x 8.500đ/quyển	748,000
Tranh động vật nuôi trong gia đình: 3 bộ x 47.000đ/bộ	141,000
Tranh về các loại rau, củ, quả, hoa: 3 bộ x 47.000đ/bộ	141,000
Tranh các phương tiện giao thông: 3 bộ x 47.000đ/bộ	141,000
Tranh động vật sống trong rừng: 3 bộ x 47.000đ/bộ	141,000
Tranh động vật biển: 3 bộ x 47.000đ/bộ	141,000
Lô tô các con vật: 83 bộ x 15.000đ/bộ	1,245,000
Lô tô các phương tiện giao thông: 83 bộ x 15.000đ/bộ	1,245,000
Các hoạt động tạo hình dành cho trẻ 24-36 tháng tuổi: 84 quyển x 9.500đ/quyển	798,000
Bộ tranh hướng dẫn các hoạt động tạo hình dành cho trẻ 24-36 tháng tuổi: 3 bộ x 55.000đ/bộ	165,000
Hoạt động làm quen với toán (Dành cho trẻ 24-36 tháng tuổi.): 84 bộ x 10.500đ/bộ	882,000

Bộ tranh hướng dẫn trẻ 24-36 tháng tuổi hoạt động làm quen với toán: 3 bộ x 50.000đ/bộ	150,000
Giúp bé làm quen với phương tiện và luật giao thông (Dành cho trẻ 3 – 4 tuổi): 100 quyển x 20.000đ/quyển	2,000,000
Các hoạt động tạo hình dành cho trẻ 3 - 4 tuổi: 100 quyển x 10.500đ/quyển	1,050,000
Bé làm quen với chữ cái (Trẻ 3 - 4 tuổi): 100 quyển x 10.500đ/quyển	1,050,000
HD giúp bé làm quen với toán (dành cho trẻ 3 - 4 tuổi): 100 quyển x 11.500đ/quyển	1,150,000
Bé với 5 điều Bác Hồ dạy (dành cho trẻ 3 - 4 tuổi): 100 quyển x 18.000đ/quyển	1,800,000
Bộ tranh HD trẻ 3-4t LQV PTGT: 4 bộ x 55.000đ/bộ	220,000
Bộ tranh HD trẻ 3-4t LQV hoạt động tạo hình: 4 bộ x 60.000đ/bộ	240,000
Bộ tranh HD trẻ 3-4t LQV chữ cái: 4 bộ x 60.000đ/bộ	240,000
Bộ tranh HD trẻ 3-4t LQV toán: 4 bộ x 55.000đ/bộ	220,000
Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ 3-4t: 3 bộ x 28.000đ/bộ	84,000
Hướng dẫn thiết kế bài giảng STEAM lớp 3-4 tuổi: 3 quyển x 35.000đ/quyển	105,000
Lập KH và thiết kế các HĐGD trong trường mầm non (3-4t): 3 quyển x 72.000đ/quyển	216,000
Các hoạt động làm quen với toán: 3 quyển x 35.000đ/quyển	105,000
Các HĐGD tình cảm và kỹ năng XH cho trẻ mầm non: 3 quyển x 25.000đ/quyển	75,000
Các HĐ KPKH của trẻ MN: 3 quyển x 35.000đ/quyển	105,000
Tranh truyện - Sự tích Hoa hồng: 3 quyển x 18.000đ/quyển	54,000
Tranh truyện - Sự tích Hoa mào gà: 3 quyển x 18.000đ/quyển	54,000
Truyện Cù cái trắng: 4 quyển x 18.000đ/quyển	72,000
Truyện Chú thỏ tinh khôn: 3 quyển x 18.000đ/quyển	54,000
Truyện Chú đỗ con: 3 quyển x 18.000đ/quyển	54,000
Truyện Cáo Thỏ Gà trống: 4 quyển x 18.000đ/quyển	72,000
Truyện Chú bé giọt nước: 3 quyển x 18.000đ/quyển	54,000
Bé làm quen với PT và LGT: 105 quyển x 15.000đ/quyển	1,575,000
Bộ tranh cô HDTLQPTGT: 3 bộ x 55.000đ/bộ	165,000
Các hoạt động tạo hình: 105 quyển x 11.500đ/quyển	1,207,500
Bộ tranh cô HDHĐ tạo hình: 3 bộ x 62.000đ/bộ	186,000
Bé làm quen với chữ cái: 105 quyển x 10.500đ/quyển	1,102,500
Bộ tranh cô HDT LQCC: 3 bộ x 60.000đ/bộ	180,000
Hoạt động làm quen với toán: 105 quyển x 11.500đ/quyển	1,207,500
Bộ tranh cô HDTLQVT: 3 bộ x 55.000đ/bộ	165,000
Bé với 5 điều Bác Hồ dạy: 105 quyển x 18.000đ/quyển	1,890,000

